



guān shàng

关上

verb · to close (a door)

Example Sentences

tā bā dā yī shēng guān shàng le mén
他叭嗒一声关上了门。

He closed the door with a click

tā suí shǒu guān shàng le mén
他随手关上了门。

He closed the door casually.

tā chóng chóng dì guān shàng le mén
他重重地关上了门。

He closed the door heavily.

Trace each character, then write the word on your own.

关	关	关	关	关	关	关	关	关		
上	上	上	上	上	上					